TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 348/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 7 - 2024
V/v: Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Bửu Khánh
Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2024/TLST - HNGĐ, ngày 16 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2024/QĐXX-ST, ngày 17 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Ngọc H, sinh năm 1982.
Địa chỉ thường trú: Ấp VT, xã VT, huyện GR, tỉnh KG
Tạm trú: Ấp VL, xã LH, huyện BL, tỉnh LA.
- *Bị đơn:* Anh Lê Thanh P, sinh năm 1976.
Địa chỉ: Ấp VT, xã VT, huyện GR, tỉnh KG

(Chị H, anh P có đơn xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Đặng Thị Ngọc H trình bày: Chị H và anh Lê Thanh P tự tìm hiểu tự tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2004, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn, nhưng dần về sau vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống. Nay chị H xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thanh P.

Về con chung: Chị H xác định có 02 người con chung: Lê Chế D1, sinh ngày 06/9/2005; Lê Thanh D, sinh năm 19/10/2019. Nay cháu D1 đã trưởng thành không mất khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối cháu D chị yêu cầu được nuôi con không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Lê Thanh P trình bày: Anh P xác nhận lời trình bày của chị H về hôn nhân; con chung; tài sản chung, nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Nay chị H yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Về con chung: Anh P xác định có 02 người con chung: Lê Chế D1, sinh ngày 06/9/2005; Lê Thanh D, sinh năm 19/10/2019. Anh đồng ý giao cháu D cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu D1 đã trưởng thành không mất khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Anh P xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý đơn đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, anh Lê Thanh P với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Vĩnh Thành, xã Vĩnh Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Quá trình tố tụng nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung: Chị H và anh P tự tìm hiểu tiến tới hôn nhân có tổ chức lế cưới vào năm 2004, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không được công nhận chị H anh P là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị H anh P xác định có hai người con chung là Lê Chế D1, ính ngày 06/9/2005 và cháu Lê Thanh D, sinh ngày 19/10/2019. Cháu D1 đã trường thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ghi nhận sự thống nhất của chị H anh P giao cháu Lê Thanh D, sinh ngày 19/10/2019, cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị H không yêu cầu.

[4] Về tài sản, nợ chung: Chị H, anh P xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị H đã 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002693 ngày 16/4/2024, của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 14; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Đặng Thị Ngọc H và anh Lê Thanh P.

2. Về nuôi con: Ghi nhận thỏa thuận của chị H anh P, giao cháu Lê Thanh D, sinh ngày 19/10/2019 cho chị Đặng Thị Ngọc H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Lê Thanh P không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị H không yêu cầu. Đối với cháu D1 đã trưởng thành không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị H đã 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002693 ngày 16/4/2024, của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị Ngọc H, anh Lê Thanh P vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Giòng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên